

BỘ Y TẾ
CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2024

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 6637 /2024/ĐKSP

Cục An toàn thực phẩm xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tổ chức cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN NORSEL PHARMA VIETNAM

Địa chỉ: 78/11 Chấn Hưng, Phường 6, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0934593592

Fax:

Email: norselpharmavietnam@gmail.com

Cho sản phẩm: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe NORDIC SHARK CARTILAGE do Công ty Pharmatech AS, địa chỉ: Vallehellene 4, 1664 Rolvsøy, Norway (Na uy) sản xuất, phù hợp tiêu chuẩn nhà sản xuất số: V61551 ngày 01 tháng 08 năm 2024.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu trữ.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Chu Quốc Thịnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04/NORSEL PHARMA/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN NORSEL PHARMA VIETNAM

Địa chỉ: 78/11 Chân Hưng, Phường 6, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0934593592

E-mail: norselpharmavietnam@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0317992184

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE: NORDIC SHARK CARTILAGE

2. Thành phần:

Trong 1 viên nang cứng có chứa:

Bột sụn cá mập (Centrophorus coelolepis) 375 mg, methylsulfonylmethane (MSM) 112,5 mg, L-ascorbic acid (vitamin C) 20 mg, collagen loại II 10 mg, mangan (mangan sulphat) 0,5 mg, đồng (đồng sulphat) 0,25 mg và cholecalciferol (vitamin D) 1,25 µg.

Phụ liệu: vỏ viên nang (gelatine) 100 mg, chất làm dày (magnesi stearat (470(iii))) 5,4 mg, chất chống đông vón (tricalci phosphat (341(iii))) và dioxyd silic (551)) 5,83 mg

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng
1	Bột sụn cá mập (Centrophorus coelolepis)	mg/1 viên	375 ± 20%
2	Methylsulfonylmethane (MSM)	mg/1 viên	112,5 ± 20%
3	L-ascorbic acid (vitamin C)	mg/1 viên	20 ± 20%
4	Collagen loại II	mg/1 viên	10 ± 20%
5	Mangan (Mangan sulphat)	mg/1 viên	0,5 ± 20%
6	Đồng (Đồng sulphat)	mg/1 viên	0,25 ± 20%
7	Cholecalciferol (vitamin D)	µg/1 viên	1,25 ± 20%

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất: 36 tháng trước hạn sử dụng

Hạn sử dụng: xem “ngày. tháng. năm” trên bao bì sản phẩm

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm đựng trực tiếp trong hũ nhôm. Bao bì sạch đảm bảo các yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.
- Quy cách đóng gói:
 - + Dạng bào chế: dạng viên nang cứng
 - + Khối lượng tịnh: 60 viên/hũ (38 g/hũ $\pm$ 10%)
 - + Khối lượng viên: 640 mg/viên $\pm$ 10%

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Sản xuất bởi: Pharmatech AS
- Địa chỉ: Vallehellene 4, 1664 Rolvsøy, Norway (Na Uy)

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo Tiêu chuẩn nhà sản xuất số V61551 ngày 01 tháng 08 năm 2024 (có bản tiêu chuẩn sản phẩm đính kèm)

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 10 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



GIÁM ĐỐC
Trần Quang Vũ

NHÂN PHỤ SẢN PHẨM



1. Tên sản phẩm: THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE: NORDIC SHARK CARTILAGE

2. Thành phần:

Trong 1 viên nang cứng có chứa:

Bột sụn cá mập (Centrophorus coelolepis) 375 mg, methylsulfonylmethane (MSM) 12,5 mg, L-ascorbic acid (vitamin C) 20 mg, collagen loại II 10 mg, mangan (mangan sulphat) 0,5 mg, đồng (đồng sulphat) 0,25 mg và cholecalciferol (vitamin D) 1,25 µg.

Phụ liệu: vỏ viên nang (gelatine) 100 mg, chất làm dày (magnesi stearat (470(iii))) 5,4 mg, chất chống đông vón (tricalci phosphat (341(iii))) và dioxyd silic (551)) 5,83 mg

3. Đối tượng sử dụng: Dành cho người trưởng thành từ 18 tuổi trở lên

4. Công dụng: Hỗ trợ duy trì xương, khớp và cơ khỏe mạnh

5. Hướng dẫn sử dụng:

- Uống mỗi lần 2 viên, 2 lần mỗi ngày.

6. Thông tin cảnh báo:

- Không nên vượt quá lượng khuyến nghị hàng ngày. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe không nên được sử dụng để thay thế cho chế độ ăn uống đa dạng.

- Khuyến cáo:

+ *Thực phẩm này không phải là thuốc, không có tác dụng thay thế thuốc chữa bệnh.*

+ *Không sử dụng cho người mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của sản phẩm*

+ *Không dùng cho người bị tăng canxi huyết, canxi niệu, sỏi thận. Người đang dùng thuốc hỏi ý kiến của bác sĩ trước khi sử dụng.*

7. Bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, tránh nhiệt và ánh sáng. Điều kiện bảo quản tối ưu là ở nhiệt độ dưới 25°C và độ ẩm tương đối dưới 65%. Tránh xa tầm tay trẻ em.

8. Thời hạn sử dụng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất: 36 tháng trước hạn sử dụng

Hạn sử dụng: xem “ngày. tháng. năm” trên bao bì sản phẩm

9. Quy cách đóng gói:

+ Dạng bào chế: dạng viên nang cứng

+ Khối lượng tịnh: 60 viên/hũ (38 g/hũ ± 10%)

+ Khối lượng viên: 640 mg/viên ± 10%

10. Xuất xứ, tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm:

- Xuất xứ: Na Uy

+ Sản xuất bởi: Pharmatech AS

+ Địa chỉ: Vallehellene 4, 1664 Rolvsøy, Norway (Na Uy)

+ Phân phối bởi: Norsel Pharma AS

+ Địa chỉ: Tollbugata 115, 3041 Drammen, Norway (Na Uy)

- Tổ chức chịu trách nhiệm về công bố, nhập khẩu và phân phối sản phẩm:

+ CÔNG TY CỔ PHẦN NORSEL PHARMA VIETNAM

+ Địa chỉ: 78/11 Chấn Hưng, Phường 6, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

+ Điện thoại: 0934593592

Nutrition table per daily dose: 2 – 4 capsules

Shark cartilage powder	750 mg – 1500 mg
Methylsulfonylmethane (MSM).....	225 mg – 450 mg
L-ascorbic acid.....	40 mg(50*) – 80 mg(100*)
Collagen type II.....	20 mg – 40 mg
Manganese	1 mg (50*) – 2 mg (100*)
Copper	0.5 mg (50*) – 1 mg (100*)
Cholecalciferol.....	2.5 µg (50*) – 5 µg (100*)
*% of reference intake	

Ingredients: Shark cartilage powder (Centrophorus coelestis), capsule shell (gelatine), methylsulfonylmethane (MSM), L-ascorbic acid (vitamin C), collagen type II, thickener (magnesium stearate), anti-caking agent (tricalcium phosphate and silicon dioxide), manganese (manganese sulphate), copper (copper sulphate) and cholecalciferol (vitamin D).

Recommended daily dose: For adults 18 years and older: Take 2 capsules twice daily. Should not be exceeded the recommended daily dose. Food supplements should not used as a substitute for a varied diet.

Best before:
Batch#:



Food supplement: Nordic Shark Cartilage
This product has been specially developed to support bone, joint, and muscle health.

Store in a dry place, protected from heat and light. Optimal storage conditions are at temperatures below 25°C and relative humidity below 65%. Keep out of reach of children.



NET WEIGHT: 38 GRAM

Produced in Norway by Pharmatech AS (address: Vallehellene 4, 1664 Rolvøy, Norway) for Norsel Pharma AS.
Address: Tollbugata 115, 3041 Drammen, Norway
www.norselpharma.no



BẢN DỊCH

BẢN DỊCH

NORSEL PHARMA

NORDIC SHARK CARTILAGE

XƯƠNG

KHỚP

CƠ BẮP

Sản xuất tại Na Uy

Chất lượng cao

640 mg | 60 viên

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 09 năm 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN NORSEL PHARMA VIETNAM
(Đã ký, đóng dấu)
GIÁM ĐỐC
TRẦN QUANG VŨ

Bảng dinh dưỡng trên lượng dùng hàng ngày: 2 - 4 viên

Bột sụn cá mập.....	750 mg - 1500 mg
Methylsulfonylmethane (MSM).....	225 mg - 450 mg
L-ascorbic acid.....	40 mg(50*) - 80 mg(100*)
Collagen loại II.....	20 mg - 40 mg
Mangan	1 mg (50*) - 2 mg (100*)
Đồng.....	0.5 mg (50*) - 1 mg (100*)
Cholecalciferol.....	2.5 µg (50*) - 5 µg (100*)

*% lượng tiêu thụ tham chiếu

Thành phần: Bột sụn cá mập (*Centrophorus coelolepis*), vỏ viên nang (gelatine), methylsulfonylmethane (MSM), L-ascorbic acid (vitamin C), collagen loại II, chất làm dày (magnesi stearat), chất chống đông vón (tricalci phosphat và dioxyd silic), mangan (mangan sulphat), đồng (đồng sulphat) và cholecalciferol (vitamin D).

Lượng khuyến nghị hàng ngày: Dành cho người trưởng thành từ 18 tuổi trở lên: Uống 2 viên 2 lần mỗi ngày. Không nên vượt quá lượng khuyến nghị hàng ngày. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe không nên được sử dụng để thay thế cho chế độ ăn uống đa dạng.

Hạn sử dụng:

Số lô:



Thực phẩm bảo vệ sức khỏe: NORDIC SHARK CARTILAGE

Sản phẩm này được phát triển đặc biệt để hỗ trợ sức khỏe xương, khớp và cơ bắp.

Bảo quản nơi khô ráo, tránh nhiệt và ánh sáng. Điều kiện bảo quản tối ưu là ở nhiệt độ dưới 25°C và độ ẩm tương đối dưới 65%. Tránh xa tầm tay trẻ em.

KHỐI LƯỢNG TỊNH: 38G

Sản xuất tại Na Uy bởi Pharmatech AS (Địa chỉ: Vallehellene 4, 1664 Rolvsøy, Norway (Na Uy)) cho Norsel Pharma AS. Địa chỉ: Tollbugata 115, 3041 Drammen, Norway (Na Uy).

www.norselpharma.no

NORGE

ØF468

EFTA

Handwritten signature

Handwritten mark

Tôi, Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Người dịch



Đặng Thị Hiền Mai

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 11 tháng 09 năm 2024 (Ngày mười một tháng chín, năm hai nghìn không trăm hai mươi tư) Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tôi, **CÔNG CHỨNG VIÊN** *Nguyễn Đức Tuấn* Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

CHỨNG NHẬN

- Bản dịch này do bà Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt .
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Đặng Thị Hiền Mai;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 3 bản chính, mỗi bản gồm 4 tờ, 4 trang, lưu một (1) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 19898 Quyển số: 01 /2024 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Đức Tuấn

Nutrition table per daily dose: 2 - 4 capsules

Shark cartilage powder	750 mg - 1500 mg
Methylsulfonylmethane (MSM)	225 mg - 450 mg
L-ascorbic acid	40 mg (50*) - 80 mg (100*)
Collagen type II	20 mg - 40 mg
Manganese	1 mg (50*) - 2 mg (100*)
Copper	0.5 mg (50*) - 1 mg (100*)
Cholecalciferol	2.5 µg (50*) - 5 µg (100*)

*% of reference intake

Ingredients: Shark cartilage powder (Centrophorus coelepis), capsule shell (gelatine), methylsulfonylmethane (MSM), L-ascorbic acid (vitamin C), collagen type II, thickener (magnesium stearate), anti-caking agent (tricalcium phosphate and silicon dioxide), manganese (manganese sulphate), copper (copper sulphate) and cholecalciferol (vitamin D).

Recommended daily dose: For adults 18 years and older: Take 2 capsules twice daily. Should not be exceeded the recommended daily dose. Food supplements should not used as a substitute for a varied diet.

Norsel Pharma

Nordic SHARK CARTILAGE



Bone



Joint



Muscle



NET WEIGHT: 38 GRAM

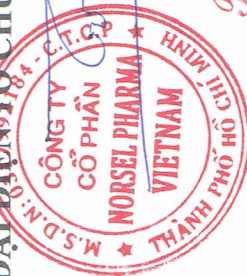
Produced in Norway by Pharmatech AS (address: Vallehøllene 4, 1664 Rolvsøy, Norway) for Norsel Pharma AS.
Address: Tollbugata 115, 3041 Drammen, Norway
www.norselpharma.no



Best before:
Batch#:

640 mg | 60 capsules

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 09 năm 2024
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



GIÁM ĐỐC
Trần Quang Vă





KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: AVA1240300659-4

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN NORSEL PHARMA VIETNAM
Địa chỉ/ Client's Address : 78/11¹ Chấn Hưng, Phường 6, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 22/03/2024
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 22/03/2024 - 06/04/2024
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 06/04/2024
Thông tin mẫu/ Name of Sample : THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE: NORDIC SHARK CARTILAGE
Ngày sản xuất: 36 tháng trước hạn sử dụng
Hạn sử dụng: 03.12.2026
Nhà sản xuất: Pharmatech AS
Địa chỉ: Vallehellene 4, 1664 Rolvsøy, Norway
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu thành phẩm
Dạng sản phẩm: dạng viên nang cứng
Màu sắc: vỏ nang trong suốt, bên trong màu trắng
Quy cách bao gói: 60 viên/hũ
Khối lượng tịnh: 38 g/hũ
Mẫu đựng trong hũ nhôm

Bảng kết quả/ Results Table

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Khối lượng viên (**).(*) / Tablet weight (**).(*)	539 (Không tính vỏ nang)	mg/viên	NIFC.05.M.198
2	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
3	Tổng số nấm men nấm mốc (*) / Yeasts and Molds (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
4	Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)
5	Arsen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.02)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/010 (Ref. AOAC 986.15-2005-As)





KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: AVA1240300659-4

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
6	Chì (Pb)(*) / Lead (Pb)(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.02)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/012 (Ref.AOAC 999.10-2005- Pb and Cd)
7	Cadimi (Cd)(*) / Cadmium (Cd)(*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/011 (Ref.AOAC 999.10-2005- Pb and Cd)
8	Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))
9	Aflatoxin tổng số (B1. B2. G1. G2) (*) / Sum of Aflatoxin (B1. B2. G1. G2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))
10	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.02)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/013 (Ref. AOAC 974.14-2005-Hg)

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**).(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

BÙI TÂN BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
DEPUTY DIRECTOR

TRẦN HOÀNG VINH





Số: 012737 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12604.24

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN NORSEL PHARMA VIETNAM
Địa chỉ : 78/11 CHÂN HUNG, PHƯỜNG 6, QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE: NORDIC SHARK CARTILAGE
Đặc điểm mẫu : Quy cách bao gói: 60 viên/hũ, khối lượng tịnh: 38 g/hũ, ngày sản xuất: 36 tháng trước hạn sử dụng, hạn sử dụng: 03.12.2026. Nhà sản xuất: Pharmatech AS, Địa chỉ: Vallehellene 4, 1664 Rolvsøy, Norway
Ngày lấy mẫu : 30/05/2024
Lượng mẫu : 01 hũ x 60 viên
Ngày nhận mẫu : 30/05/2024
Người gửi mẫu : Phạm Thị Diễm My
Người nhận mẫu : Trần Duy Trâm Anh
Thời gian thử nghiệm : 30/05/2024-06/06/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Chỉ tiêu cảm quan (#):

Cảm quan : Trạng thái: Viên nang cứng bên trong chứa bột, không có tạp chất lạ.
Màu sắc: Viên nang trong suốt, bột bên trong màu trắng ngà.
Mùi vị: Không có mùi vị lạ.

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Cảm quan	HD.PP.60/TT.AAS	#	/
2	Coliforms	AOAC 991.14, TCVN 9975:2013	< 1	CFU/g
3	<i>Staphylococcus aureus</i>	AOAC 975.55	< 1	CFU/g
4	<i>Escherichia coli</i>	HD.PP.02-24/TT.VS (Ref. TCVN 9975:2013)	< 1	CFU/g
5	<i>Bacillus cereus</i>	AOAC 980.31	< 1	CFU/g
6	<i>Clostridium perfringens</i>	AOAC 976.30	< 1	CFU/g

Mã số mẫu: 12604.24

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong hũ nhôm kín, còn nguyên bao bì của nhà sản xuất.
- < 1 CFU /g : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày1.0-06-2024..

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



★ Ts. Nguyễn Đức Thịnh